

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/HC-ST

Ngày: 24/8/2022

V/v “*kiếu kiện quyết định bồi thường,
hỗ trợ khi thu hồi đất và giải quyết
kiếu nại về đất đai*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ninh Thị Kiều Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Thành Quang
2. Ông Đỗ Hồng Kỳ

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Diệp Tú Anh – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Yên- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2022 tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính sơ thẩm thụ lý số: 33/2021/TLST- HC ngày 14 tháng 10 năm 2021 về việc “*kiếu kiện quyết định bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai*” giữa:

Người khởi kiện: Ông Lê C, sinh năm: 1948. Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn B, huyện H, tỉnh N (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn K, luật sư thuộc văn phòng luật sư NK, Đoàn luật sư tỉnh N (có mặt).

Người bị kiện: Chủ tịch UBND huyện H;
UBND huyện H.

Chủ tịch UBND huyện H ủy quyền cho ông Nguyễn Đ, Phó Chủ tịch (Giấy ủy quyền số 95/UQ- UBND ngày 04/5/2022). Ông Nguyễn Đ có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Người bị kiện: Ông Đỗ Th, Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất huyện H (giấy yêu cầu Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự số 244/UBND- TH ngày 29/10/2021). Ông Đỗ Th có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị A, sinh năm: 1950. Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn B, huyện H, tỉnh N.
 - Anh Lê Châu E, sinh năm: 1975. Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn B, huyện H, tỉnh N.
 - Anh Lê Châu H, sinh năm: 1976. Địa chỉ: Suối T, huyện D, Tỉnh K.
 - Chị Lê Thị K, sinh năm: 1977. Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn B, huyện H, Tỉnh N.
 - Chị Lê Thị M, sinh năm: 1979. Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn B, huyện H, Tỉnh N.
 - Chị Lê Thị N, sinh năm: 1982. Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn B, huyện H, Tỉnh N.
 - Chị Lê Thị H, sinh năm: 1983. Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn B, huyện H, Tỉnh N.
 - Chị Lê Thị L, sinh năm: 1985. Địa chỉ: Lâm B, xã Đ, huyện H, tỉnh N.
 - Anh Lê Châu Q, sinh năm: 1988. Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn B, huyện H, Tỉnh N.
 - Chị Lê Thị S, sinh năm: 1979. Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn B, huyện H, Tỉnh N.
 - Chị Lê Thị F, sinh năm: 1989. Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn B, huyện H, Tỉnh N.
- Đều vắng mặt, ủy quyền cho ông Lê C theo Giấy ủy quyền ngày 23/8/2022. Ông Lê C có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Người khởi kiện- Ông Lê C- trình bày:

Vào năm 1998, hộ gia đình ông được UBND huyện H giao đất lâm nghiệp với tổng diện tích khoảng 927.700 m² theo Quyết định số 31 ngày 24/02/1998 để sản xuất. Sau khi được giao đất thì gia đình ông đã thực hiện đầu tư theo phương án quản lý, sử dụng đất rừng và lập trang trại sản xuất như đã được xét duyệt. Hộ gia đình ông bao gồm ông và vợ là bà Nguyễn Thị A, các con Lê Châu E, Lê Châu H, Lê Thị K, Lê Thị M, Lê Thị N, Lê Thị H, Lê Thị L, Lê Châu Q, Lê Thị S và Lê Thị F.

Trong quá trình quản lý sử dụng đất, UBND huyện H đã nhiều lần thu hồi đất của hộ gia đình để giải phóng mặt bằng xây dựng nhà máy thủy điện DG và xây dựng đập dâng KM.

Ngày 17/12/2018, UBND huyện H ban hành Quyết định số 2991/QĐ- UBND thu hồi 9.242 m² đất của gia đình để mở rộng nhà máy thủy điện TM3. Ngày 7/6/2019, UBND huyện H tiếp tục ban hành Quyết định số 1369/QĐ- UBND thu hồi thêm 4.601,3 m². Tổng cộng hai quyết định này đã thu hồi của gia đình ông 13.843,3 m² đất. Diện tích đất thu hồi của ông thuộc lô số 5 với tổng diện tích 40,5 ha theo Quyết định giao đất số 31 ngày 24/02/1998 của UBND huyện H.

Ngày 26/02/2021, UBND huyện H ban hành Quyết định số 314/QĐ- UBND bồi thường cho ông với số tiền 0 đồng.

Ông đã khiếu nại và Chủ tịch UBND huyện H ban hành Quyết định số 1334/QĐ-UBND ngày 26/7/2021 không chấp nhận các khiếu nại của ông.

Việc quản lý sử dụng đất của ông là đúng với thực tế khách quan và luôn ổn định không có tranh chấp với ai. Đặc biệt đất được giao đã được loại khỏi quy hoạch 3 loại rừng, đã là đất nông nghiệp. Ông đã có phương án cũng như quy hoạch lập trang trại đã được cơ quan chức năng phê duyệt.

Do đó để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, ông khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận, yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 314/QĐ- UBND Ngày 26/02/2021 của UBND huyện H về việc bồi thường khi thu hồi đất của ông.

- Hủy Quyết định số 1334/QĐ- UBND ngày 26/7/2021 của Chủ tịch UBND huyện H về việc giải quyết khiếu nại.

- Yêu cầu UBND huyện H bồi thường cho ông theo quy định của pháp luật khi thu hồi 13.843,3 m² đất.

Người đại diện hợp pháp của Người bị kiện và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Người bị kiện trình bày như sau:

- Đối với Quyết định số 314/QĐ- UBND ngày 26/02/2021 về việc bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án mở rộng TM3 với diện tích 13.843,3 m²:

- + Căn cứ pháp lý ban hành Quyết định số 314/QĐ- UBND ngày 26/02/2021 về việc bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất:

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính Phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019.

Căn cứ Luật đất đai ngày 29/11/2013.

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ- CP ngày 15/5/2014, Nghị định số 47/2014/NĐ- CP ngày 15/5/2014, Nghị định số 01/2017/NĐ- CP của Chính Phủ.

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT- BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên- Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; Thông tư số 37/2014/TT- BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên – Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, Thông tư số 33/2017/TT- BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên- Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ- CP ngày 06/01/2017 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai.

Căn cứ Quyết định số 64/2016/QĐ- UBND ngày 26/9/2016 về ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh N; Quyết định số 15/2018/QĐ- UBND ngày 26/01/2018 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh N ban hành kèm theo Quyết định số 64/2016/QĐ- UBND ngày 26/9/2016 của UBND tỉnh N.

Căn cứ Quyết định 2991/QĐ- UBND ngày 17/12/2018 của UBND huyện H về việc phê duyệt Phương án và kinh phí bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án mở rộng TM3 trên địa bàn huyện H.

Căn cứ Quyết định 1369/QĐ- UBND ngày 27/6/2019 của UBND huyện H về việc thu hồi đất để giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án mở rộng TM3 trên địa bàn huyện H.

Căn cứ Quyết định 1386/QĐ- UBND ngày 28/6/2019 của UBND huyện H về việc phê duyệt Phương án và kinh phí bồi thường, hỗ trợ các hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất để giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án mở rộng TM3 trên địa bàn huyện H.

+ Về nội dung:

Dự án mở rộng TM3 thu hồi đất của hộ ông Lê C với diện tích 13.843,3 ha.

Nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất:

Ngày 21/02/1998, ông Lê C và Chủ tịch UBND huyện H ký Khế ước giao đất có rừng tự nhiên, có thảm thực vật cần bảo vệ thuộc rừng sản xuất. Đến ngày 24.02.1998, hộ ông Lê C được UBND huyện H giao đất để sản xuất lâm nghiệp theo Quyết định số 31/QĐ- KTUB với diện tích 92,77 ha.

Diện tích thu hồi của hộ ông Lê C tại Dự án mở rộng TM3 là 1,378 ha được xác định nằm trong các lô 3,4 và 5 có hiện trạng từ thời điểm giao đất như sau:

Lô số 3: diện tích 18 ha, trạng thái rừng non phục hồi;

Lô số 4: diện tích 24,5 ha, trạng thái rừng non phục hồi dạng da beo;

Lô số 5: diện tích 40,5 ha, trạng thái rừng non phục hồi.

Căn cứ vào Báo cáo số 121/BC- UBND ngày 20/9/2012 của UBND huyện H về việc kiểm tra tình hình sử dụng đất lâm nghiệp đã giao cho hộ ông Lê C tại khu vực N, thị trấn B, huyện H cho thấy: sau 14 năm (từ năm 1998 đến năm 2012) hộ ông C nhận đất sản xuất lâm nghiệp để quản lý, bảo vệ và chăm sóc rừng. Việc bảo vệ diện tích được giao tương đối tốt, không để hộ dân khác lấn chiếm. Tuy nhiên, ông C chưa thực hiện đúng như Phương án nhận đất lâm nghiệp để lập vườn và bảo vệ rừng...chưa đầu tư chăm sóc để phát triển và tăng vốn rừng hiện có. Mặt khác ông còn phát dọn, chặt cây rừng tự nhiên trái với phương án sử dụng, diện tích đất có rừng tại các lô này ông chỉ được phép phát dọn cây leo, cây bụi, cây cỏ.... khoanh nuôi làm giàu rừng và quản lý bảo vệ vốn rừng hiện có kết hợp chăn nuôi bò, dê thả trong rừng.

Đồng thời tại thời điểm kiểm kê tài sản trên đất thu hồi thực hiện dự án thì hiện trạng trên đất được trồng keo lá tràm do ông C tự ý chuyển mục đích qua sản xuất nông nghiệp mà không xin phép cơ quan có thẩm quyền.

Về chính sách bồi thường, hỗ trợ:

Xét điều kiện bồi thường về đất: căn cứ khoản 2 điều 82 Luật Đất đai 2013 quy định trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường về đất.

Xét điều kiện về hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất còn lại: Ông C đã sử dụng đất không đúng mục đích được giao, không đúng với phương án quản lý sử dụng đất rừng đã được phê duyệt (tự ý chặt cây rừng tự nhiên để trồng keo lai không xin phép cơ quan có thẩm

quyền, theo phương án các hộ này chỉ được khoanh nuôi làm giàu rừng và vừa quản lý bảo vệ vốn rừng hiện có và kết hợp chăn nuôi gia súc); hộ ông C hầu như chưa đầu tư chăm sóc để phát triển và tăng vốn rừng hiện có, cây rừng phát triển chậm là đã vi phạm khoản 2 điều 3 Khế ước được lập vào ngày 21/02/1998 quy định về nghĩa vụ của ông Chính.

Từ các căn cứ nêu trên và căn cứ vào đề xuất của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện tại Tờ trình số 16/TTr- TTPTQĐ ngày 24/02/2021, Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Quyết định số 314/QĐ- UBND ngày 26/02/2021. Theo đó hộ ông C không được bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án mở rộng TM3 đối với diện tích 13.843,3 m² (1,38 ha).

- Đối với Quyết định số 1334/QĐ- UBND ngày 06/7/2021 của Chủ tịch UBND huyện H.

+ Căn cứ pháp lý ban hành:

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính Phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019.

Căn cứ Luật khiếu nại ngày 11/11/2011; Luật đất đai ngày 29/11/2013

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Nghị định 124/2020/NĐ- CP ngày 19/10/2020 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại; Nghị định số 43/2014/NĐ- CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Nghị định số 47/2014/ NĐ- CP ngày 15/5/2014 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 01/2017/NĐ- CP ngày 06/01/2017 sửa đổi, bổ sung một số quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư của Thanh tra Chính Phủ: Thông tư số 07/2013/TT- TTCP ngày 31/10/2013 quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Thông tư số 02/2016/TT- TTCP ngày 20/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT- TTCP ngày 31/10/2013 quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính;

Căn cứ các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: Quyết định số 64/2016/QĐ- UBND ngày 26/9/2016 về ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh N; Quyết định số 15/2018/QĐ- UBND ngày 26/01/2018 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh N ban hành kèm theo Quyết định số 64/2016/QĐ- UBND ngày 26/9/2016 của UBND tỉnh N.

Xét Báo cáo số 34/BC- ĐXM ngày 05/7/2021 của Đoàn xác minh về kết quả xác minh nội dung khiếu nại của ông Lê C và các hồ sơ, tài liệu liên quan.

+ Về nội dung:

Ngày 26/7/2021, Chủ tịch UBND huyện H ký ban hành Quyết định số 1334/QĐ- UBND về việc giải quyết khiếu nại đối với ông Lê C. Kết quả giải quyết khiếu nại như sau:

Giữ nguyên Quyết định số 314/QĐ- UBND ngày 26/02/2021 của UBND huyện H về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Lê C để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án mở rộng TM3 trên địa bàn huyện H.

Không chấp thuận việc ông Lê C yêu cầu bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 13.843,3 m² (1,38 ha).

Lý do: Hộ ông Lê C không đủ điều kiện được bồi thường về đất với diện tích 13.843,3 m² (1,38 ha), gồm các thửa đất số 2a, 4c, 5a, 15, 15e, 2c, 4, 14d, 18b tờ bản đồ địa chính số 31 được áp dụng tại khoản 2 điều 82 Luật Đất đai năm 2013 quy định về trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường về đất: “2. Đất được Nhà nước giao để quản lý”.

Hộ ông Lê C không đủ điều kiện để bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại điều 3 Nghị định số 47/2014/NĐ- CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ. Do tại các lô số 3, 4, 5, hộ ông C đã sử dụng đất không đúng mục đích được giao, không đúng với phương án quản lý sử dụng đất rừng đã được phê duyệt: tự ý chặt rừng tự nhiên trên diện tích 323.747 m² để trồng keo lai không xin phép cơ quan có thẩm quyền, theo Phương án các lô này chỉ được khoanh nuôi làm giàu rừng và vừa quản lý bảo vệ vốn rừng hiện có và kết hợp chăn nuôi gia súc dê bò); hộ ông C hầu như chưa đầu tư chăm sóc để phát triển và tăng vốn rừng hiện có, cây rừng phát triển chậm là đã vi phạm quy định theo khoản 32 điều 3 Khế ước được lập nào ngày 21/02/1998 quy định về nghĩa vụ của ông C khi tiến hành sản xuất kinh doanh phải tuân thủ những quy định: “c. *Thực hiện các biện pháp bảo vệ rừng như: Những diện tích rừng nghèo kiệt phải được khoanh đóng, bảo vệ, nuôi dưỡng làm giàu rừng*”.

Việc giải quyết khiếu nại đối với hộ ông C đã được UBND huyện H thực hiện đúng và đầy đủ quy trình thủ tục theo quy định của pháp luật hiện hành.

UBND huyện H và Chủ tịch UBND huyện H đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê C.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Người khởi kiện trình bày

Sau khi được giao đất theo quyết định số 31/QĐ ngày 21/02/1998, hộ ông Lê C đầu tư sản xuất đất lâm nghiệp. Trước chủ trương thực hiện kinh tế trang trại theo Nghị định 03/NĐ/2000 ngày 02/02/2000 của Chính Phủ, ông Lê C đã lập hồ sơ cùng phương án sản xuất xin chuyển đổi mục đích sử dụng đất đối với toàn bộ diện tích 947.700 m², trong đó: 52,27 ha làm nương dẫn nước và đường đi nội bộ, đào ao thả cá, 27,77 ha trồng đào lộn hột, cây keo lá tràm, 5ha trồng xoài, nhãn, hồng, sapoche, 42,27 ha trồng me Thái. Phương án chuyển đổi đất sản xuất đã được Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn chứng nhận phê duyệt tại Công văn số 313 ngày 13/7/2000 về việc thẩm định dự án lập trang trại VACR, trồng cây ăn trái. Tiếp đến là văn bản số 279 ngày 17/5/2001 xác nhận phương án kinh tế trang trại cho hộ ông C. Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh N xác nhận tại Công văn số 489 ngày 21/9/2000, do dự án thành lập trang trại của tư nhân nên chủ đầu tư tự quyết định đầu tư và chịu trách nhiệm về hiệu quả sản xuất kinh doanh, đề nghị Sở Tài nguyên môi trường thông báo chủ đầu tư liên hệ Quỹ phát triển làm thủ tục vay vốn.

Tại Đơn xin phê duyệt dự án kèm theo Phương án lập trang trại ngày 22/5/2000 của ông Lê C, Ủy ban nhân dân xã Tân Sơn cũng xác nhận và đề nghị các cơ quan chức năng xem xét giải quyết, đồng thời Phòng Kinh tế thuộc UBND huyện H và Chủ tịch UBND huyện H đều đã nhất trí xác nhận cho ông Lê C lập phương án kinh tế vườn theo đơn. Như vậy trang trại của ông Lê C được lập theo quy định của pháp luật.

Căn cứ Nghị định 03 ngày 02 tháng 02 năm 2000, Thông tư số 69 ngày 23/6/2000 của Bộ Tài nguyên – Môi trường và Tổng cục Thống kê về hướng dẫn tiêu chí xác định kinh tế trang trại, căn cứ khoản 3 điều 82 Luật Đất đai năm 2002: *hộ gia đình sử dụng đất lâm nghiệp làm kinh tế trang trại được chủ động chuyển đổi mục đích sử dụng các loại đất theo phương án sản xuất kinh doanh đã được Ủy ban nhân dân huyện xét duyệt.* Trường hợp hộ ông C không thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 điều 36 Luật Đất đai, người sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi chuyển đổi mục đích sử dụng đất.

Tiếp đến, Căn cứ Quyết định số 241/2007/QĐ- UBND ngày 14/9/2007 của UBND tỉnh N “về việc phê duyệt kết quả rà soát, quy hoạch lại ba loại rừng tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2007-2015”, Công văn số 636/CCKL- QLBVR ngày 13/9/2012 của Chi cục Kiểm lâm N, Công văn số 93 của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn ngày 25/01/2016, toàn bộ diện tích 927.700 m² đất của ông C được điều chỉnh đưa ra ngoài quy hoạch 3 loại rừng, để chuyển sang quy hoạch sử dụng cho mục đích khác giai đoạn 2006- 2015. Căn cứ Báo cáo Kết quả thẩm tra, xác minh nội dung đơn khiếu nại của ông Lê C số 71/BC- TTT ngày 12/5/2014 của Thanh tra tỉnh N đã xác định: ông Lê C đủ điều kiện đền bù với diện tích đất là đất nông nghiệp trên địa bàn thị trấn H theo Nghị định 02/1994/NĐ- CP ngày 15/01/1994 của Chính Phủ. Theo Quyết định số 2289 ngày 19/6/2016 của UBND tỉnh N về việc phê duyệt kế hoạch thanh tra việc quản lý sử dụng đất lâm nghiệp đã điều chỉnh đưa ra ngoài quy hoạch ba loại rừng. Theo Kết luận thanh tra số 3434 ngày 18/8/2017 của UBND tỉnh N về việc đất lâm nghiệp đã đưa ra khỏi 3 loại rừng trên địa bàn huyện H thì đất trên địa bàn thị trấn B, mà cụ thể là đất của gia đình ông C không còn là đất lâm nghiệp.

Ủy ban nhân dân tỉnh N đã có Kết luận Thanh tra số 3434 ngày 18/8/2017, theo đó, lỗi của ngành lâm nghiệp là thiếu kiểm tra rà soát bảo đảm tính chính xác trong quy hoạch, bàn giao hồ sơ, cắm mốc tại thực địa; không thực hiện công khai theo quy hoạch, chưa tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chuyển vùng đất lâm nghiệp đã được phê duyệt đưa ra ngoài quy hoạch ba loại rừng.

Từ năm 1998 đến khi thu hồi đất là hơn 20 năm, gia đình ông C luôn sử dụng đất liên tục, ổn định với mô hình kinh tế trang trại, xoay quanh diễn biến thay đổi về chính sách quản lý sử dụng đất của nhà nước, của địa phương. UBND huyện H không có chứng cứ chứng minh ông Lê C sử dụng đất sai mục đích, không đúng với phương án quản lý sử dụng đất rừng đã được phê duyệt, vi phạm quy định theo khoản 2 điều 3 Khế ước được lập nào ngày 21/02/1998 về nghĩa vụ của ông C.

Tại Báo cáo số 53 ngày 28/02/2017 của UBND tỉnh N và ý kiến của Thường vụ Tỉnh ủy tại Thông báo số 172 ngày 02/3/2017 và Thông báo số 260 ngày 01/9/2017 đều

chấp thuận chủ trương bồi thường và hỗ trợ do đất bị thu hồi cho các trường hợp sử dụng đất trước ngày 01/7/2014, có hộ khẩu thường trú ở tỉnh, trực tiếp sản xuất nông nghiệp, được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận là người sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp, diện tích đất sử dụng bị thu hồi không nằm trong quy hoạch đất rừng.

Tại điểm e khoản 1 Điều 15 Nghị định số 02 ngày 15/01/1994 của Chính Phủ cũng đã quy định về chính sách bảo hộ tài sản như: Được đền bù, bồi hoàn thành quả lao động, kết quả đầu tư trên đất lâm nghiệp được giao theo thời giá thị trường và hiện trạng của rừng, đất trồng rừng trong trường hợp bị thu hồi theo quy định của pháp luật.

Tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 197 ngày 30/12/2004 của Chính Phủ cũng quy định rõ: điều kiện để bồi thường về đất là có quyết định giao đất của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đất đai, ông C đã có quyết định số 31 ngày 24/02/1998 của UBND huyện H.

Tại công văn số 3479/BTNMT- TTr ngày 19/9/2011 của Thanh tra Bộ Tài nguyên-Môi trường trả lời UBND tỉnh N đối với trường hợp thu hồi đất rừng giao khoán cho hộ ông Võ Văn T trú tại số nhà X đường K, phường Đ, thành phố P cho thấy: Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các cơ quan chuyên môn kiểm tra việc giao đất cho ông T tại thời điểm 1994 (có phải giao theo ND số 02/CP để sử dụng lâu dài hay không). Nếu theo ND 02/CP ngày 15/01/1994 thì hộ ông T có quyền lợi theo quy định tại khoản 1 điều 15 của Nghị định. Hộ ông T được tính toán tại thời điểm nhà nước thực hiện việc bồi thường hỗ trợ đối với hộ. Trường hợp này tương tự với ông C.

Căn cứ vào Bản án số 793/2020/HC- PT ngày 30/12/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố H đã hủy một phần các quyết định hành chính của UBND huyện H liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ về đất, về công sức, chi phí đầu tư vào đất và các hỗ trợ khác theo quy định của pháp luật đối với hộ ông Lê C, theo bản án, UBND huyện H và Chủ tịch UBND huyện H thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật về việc giải quyết bồi thường hỗ trợ cho hộ ông Lê C đối với diện tích đất 377.889,4 m². Đồng thời theo Thông báo số 244 ngày 16/6/2022 của Tòa án nhân dân tối cao thì Tòa cũng đã nhận định rõ về việc sử dụng đất của hộ ông C và quyết định của Tòa án nhân dân cấp cao xác định gia đình ông C được bồi thường về đất đối với diện tích 377.889,4 m² là có cơ sở, đồng thời không chấp thuận yêu cầu theo thủ tục giám đốc thẩm của UBND huyện H đối với bản án phúc thẩm của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố H.

Từ các căn cứ trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Vụ kiện giữa ông Lê C và Ủy ban nhân dân huyện H, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H là tranh chấp về việc “*kiếu kiện quyết định bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai*” được quy định tại Điều 30 Luật Tố tụng hành chính. Do người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện H và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H nên căn cứ khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

- Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 26/02/2021, UBND huyện H ban hành quyết định số 314/QĐ- UBND bồi thường cho ông Lê C với số tiền 0 đồng khi thu hồi 13.843,3 m² đất. Chủ tịch UBND huyện H ban hành quyết định số 1334/QĐ- UBND ngày 26/7/2021 không chấp nhận các khiếu nại của ông Lê C. Ông Lê C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ngày 18/7/2021, là trong thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng Hành chính.

[2] Về nội dung: Ông Lê C khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận, yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 314/QĐ- UBND ngày 26/02/2021 của UBND huyện H về việc bồi thường khi thu hồi đất.

- Hủy Quyết định số 1334/QĐ- UBND ngày 26/7/2021 của Chủ tịch UBND huyện H về việc giải quyết khiếu nại.

- Yêu cầu UBND huyện H thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất cho ông theo quy định của pháp luật.

[2.1] Những căn cứ xác định nội dung tranh chấp của các bên đương sự:

Căn cứ Khế ước giao đất có rừng tự nhiên, có thảm thực vật cần bảo vệ thuộc rừng sản xuất lập ngày 21/02/1998 giữa UBND huyện H và ông Lê C, có nội dung quy định về quyền của ông Lê C như sau: Ông C được giao diện tích đất 92,77 ha tại khu 3 N, xã B, huyện H, có quyền được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được sử dụng đất thời hạn 50 năm, được để thừa kế, chuyển nhượng thế chấp, chuyển đổi quyền sử dụng đất lâm nghiệp trong thời hạn được giao đất theo quy định của pháp luật”.

Căn cứ Quyết định số 31/QĐ- KTUB ngày 24/02/1998 của UBND huyện H có nội dung: UBND huyện H giao cho ông Lê C diện tích đất 92,77 ha để sản xuất lâm nghiệp, Phòng Địa chính cùng Ủy ban nhân dân xã B và hộ ông C tiến hành đo đạc, cắm mốc, lập biên bản bàn giao thực địa, hộ ông C được đăng ký quyền sử dụng đất tại Ủy ban nhân dân xã Tân Sơn theo quy định của pháp luật đất đai.

Căn cứ Quyết định số 2991/QĐ- UBND ngày 17/12/2018 của UBND huyện H về việc thu hồi 9.242 m² bao gồm các thửa đất 5a, 2a, 4c, 15e, 15 tờ bản đồ số 31 thị trấn B, huyện H và Quyết định số 1369/QĐ- UBND ngày 27/6/2019 của UBND huyện H về việc thu hồi 4.601,3 m² bao gồm các thửa đất 2c, 4, 14d, 18b tờ bản đồ số 31 thị trấn B, huyện H, các thửa đất bị thu hồi có tổng diện tích 13.843,3 m² đất, thuộc lô số 3, 4,

5 theo Quyết định số 31/QĐ- KTUB ngày 24/02/1998, với cùng lý do thu hồi đất: giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án mở rộng TM3 thuộc địa bàn thị trấn B huyện H.

Căn cứ Quyết định số 314/QĐ- UBND ngày 26/02/2021, UBND huyện H bồi thường hỗ trợ cho hộ ông C với số tiền 0 đồng khi thu hồi 13.843,3 m² đất, là các thửa đất thuộc lô số 5 theo Quyết định số 31/QĐ- KTUB ngày 24/02/1998 nói trên để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án mở rộng TM3 trên địa bàn huyện H.

Căn cứ Quyết định số 1334/QĐ- UBND ngày 26/7/2021 của Chủ tịch UBND huyện H về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê C (lần đầu).

[2.2] Xét yêu cầu của ông Lê C về việc hủy Quyết định số 314/QĐ- UBND ngày 26/02/2021 của UBND huyện H về việc bồi thường hỗ trợ cho hộ để giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án mở rộng TM3 trên địa bàn tỉnh N (với số tiền 0 đồng)

Về việc bồi thường khi thu hồi đất, Khoản 2 điều 74 Luật Đất đai năm 2013 quy định như sau:

“Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất”.

Điều 82 Luật đất đai quy định về thu hồi đất không bồi thường về đất trong các trường hợp sau đây:

- “1. Các trường hợp quy định tại khoản 1 điều 76 của Luật này;*
- 2. Đất được Nhà nước giao để quản lý;*
- 3. Đất thu hồi trong các trường hợp quy định tại điều 64 và các điểm a, b, c và d khoản 1 điều 65 của Luật này”.*

Khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai quy định:

2. Đối với đất nông nghiệp đã sử dụng trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp nhưng không có Giấy chứng nhận hoặc không đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này thì được bồi thường đối với diện tích đất thực tế đang sử dụng, diện tích được bồi thường không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp quy định tại Điều 129 của Luật này.”

Theo khoản 1 điều 15 Nghị định số 02/NDD9- CP ngày 15/01/1994 của Chính phủ quy định, ông C có quyền sau:

- a. Được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;*
- b. Được Nhà nước bảo hộ quyền và lợi ích hợp pháp trên đất lâm nghiệp được giao;*
- c. Được hưởng thành quả lao động, kết quả đầu tư trên diện tích đất lâm nghiệp được giao theo luận chứng kinh tế- kỹ thuật, phương án quản lý, dự án đầu tư hoặc theo kế ước, theo hợp đồng khoán;*

- d. Được hưởng chính sách hỗ trợ của Nhà nước trong việc bảo vệ và phát triển rừng;
- e. Được đền bù, bồi hoàn thành quả lao động, kết quả đầu tư trên đất lâm nghiệp được giao theo thời giá thị trường và hiện trạng của rừng, đất trồng rừng trong trường hợp bị thu hồi theo quy định của pháp luật.
- g. Được để thừa kế, chuyển nhượng, thế chấp, chuyển đổi quyền sử dụng đất lâm nghiệp được giao theo quy định của pháp luật;
- h. Được miễn hoặc giảm thuế trong trường hợp gây trồng rừng trên đất trống, đồi, núi trọc theo quy định của pháp luật”.

Đôi chiếu với trường hợp của ông Lê C:

Ngày 21/02/1998, ông Lê C và Chủ tịch UBND huyện H ký khế ước giao đất có rừng tự nhiên, có thảm thực vật cần bảo vệ thuộc rừng sản xuất. Đến ngày 24/02/1998, hộ ông Lê C được UBND huyện H giao đất để sản xuất lâm nghiệp theo quyết định số 31/QĐ- KTUB với diện tích 92,77 ha.

Trong diện tích đất được giao có các lô 3,4 và 5, hiện trạng vào thời điểm giao đất như sau:

- + Lô số 3: diện tích 18 ha, trạng thái rừng non phục hồi;
- + Lô số 4: diện tích 24,5 ha, trạng thái rừng non phục hồi dạng da beo;
- + Lô số 5: diện tích 40,5 ha, trạng thái rừng non phục hồi.

Việc giao đất sử dụng và sản xuất của UBND huyện H cho ông Lê C theo Khế ước giao đất ngày 21/02/1998 và Quyết định số 31/QĐ- KTUB ngày 24/02/1998 với diện tích 92,77 ha là đúng theo quy định của Luật đất đai. Ông Chính đã có phương án nhận đất rừng và phương án chuyển đổi mục đích sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện và Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn phê duyệt.

UBND huyện H cho rằng ông C thực hiện không đúng với phương án quản lý sử dụng đất rừng đã được phê duyệt (tự ý chặt cây rừng tự nhiên để trồng keo lai không xin phép cơ quan có thẩm quyền, theo phương án các hộ này chỉ được khoanh nuôi làm giàu rừng và vừa quản lý bảo vệ vốn rừng hiện có và kết hợp chăn nuôi gia súc), vi phạm nghĩa vụ theo khế ước, vi phạm Luật Đất đai. Tuy nhiên, theo Quyết định số 241/2007/QĐ- UBND ngày 14/9/2007 của UBND tỉnh N “về việc phê duyệt kết quả rà soát, quy hoạch lại ba loại rừng tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2007-2015” và Công văn số 636/CCKL- QLTVR ngày 13/9/2012 của Chi cục Kiểm lâm tỉnh N về việc xác định vị trí đất quy hoạch rừng phòng hộ trên địa bàn thị trấn Tân Sơn thì diện tích 927.700 m² đất của ông C được giao theo Khế ước ngày 21/02/1998 và Quyết định giao đất số 31/QĐ- KTUB ngày 24/02/1998 không còn là đất rừng. Theo quy định tại khoản 3 điều 59 Luật về bảo vệ và phát triển rừng quy định quyền chung của Chủ rừng : “Được sản xuất lâm nghiệp- nông nghiệp- ngư nghiệp kết hợp theo quy chế quản lý rừng, trừ rừng đặc dụng; được hưởng thành quả lao động, kết quả đầu tư trên diện tích được giao, được thuê; bán thành quả lao động, kết quả đầu tư cho người khác;...” Việc UBND

huyện H cho rằng ông C chưa thực hiện đúng phương án nhận đất theo khế ước về bảo vệ rừng, mà phát dọn, chặt cây rừng, chưa thực hiện đúng như phương án nhận đất lâm nghiệp để lập vườn và bảo vệ rừng...chưa đầu tư chăm sóc để phát triển và tăng vốn rừng hiện có, nhưng không đo đạc và xác định diện tích cụ thể phát dọn, trồng mới, không lập biên bản vi phạm, ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính là chưa đủ căn cứ để xác định ông C vi phạm Khế ước giao rừng ngày 21/02/1998 và Quyết định giao đất số 31/QĐ- UBND ngày 24/02/1998.

Tại Báo cáo Kết quả thẩm tra, xác minh nội dung đơn khiếu nại của ông Lê C số 71/BC- TTT ngày 12/5/2014, Thanh tra tỉnh N đã xác định: *Từ năm 1998 đến năm 2011 ông Lê C thực hiện đúng theo phương án đã được giao ban đầu quy định tại Nghị định số 02/1994/NĐ- CP của Chính Phủ ngày 15/01/1994 “quy định về việc giao đất lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp”. Từ khi có Quyết định số 241/2007/QĐ- UBND ngày 14/9/2007 của UBND tỉnh N “về việc phê duyệt kết quả rà soát, quy hoạch lại ba loại rừng tỉnh N giai đoạn 2007-2015” và Công văn số 636/CCKL- QLVR ngày 13/9/2012 của Chi cục Kiểm lâm N đưa toàn bộ diện tích 927.700 m² đất của ông C được giao ngoài ba loại rừng. Chính vì vậy năm 2011 ông C đã trồng keo lá tràm trên diện tích 323.747 m². Việc trồng cây keo lá tràm trên diện tích đất của ông C được giao là đúng. Vì vậy áp dụng điểm e khoản 1 điều 15 Nghị định 02/1994/NĐ- CP ngày 15/01/1994 của Chính Phủ được đền bù, bồi hoàn thành quả lao động, kết quả đầu tư trên đất lâm nghiệp được giao theo thời giá thị trường và hiện trạng của rừng, đất trồng rừng trong trường hợp bị thu hồi theo quy định của pháp luật.”*

Mặt khác, tại Công văn số 53-CV/ĐHĐND ngày 31 tháng 10 năm 2019, Đảng Đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh N thống nhất Báo cáo của Ban thường vụ Tỉnh ủy, đề nghị: *“Đối với diện tích đất nằm trong quy hoạch và ngoài quy hoạch 3 loại rừng, chấp thuận chủ trương bồi thường, hỗ trợ cho các trường hợp sử dụng đất trước ngày 01/7/2014, có hộ khẩu thường trú ở tỉnh N, trực tiếp sản xuất nông nghiệp, được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận là người sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp, diện tích đất sử dụng bị thu hồi không nằm trong quy hoạch đất rừng. Diện tích đất bồi thường không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp quy định tại điều 129 Luật đất đai.”*

Hơn nữa, tương tự như trường hợp này, trong dự án Kênh chính đập dâng KM, hộ ông Lê C bị thu hồi 377.889,4 m² đất được giao theo Quyết định số 31/QĐ- KTUB ngày 24/02/1998 nói trên mà không được UBND huyện H bồi thường. Bản án số 793/2020/HC- PT ngày 30/12/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố H đã hủy một phần các quyết định hành chính của UBND huyện H liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ về đất, về công sức, chi phí đầu tư vào đất và các hỗ trợ khác theo quy định của pháp luật đối với hộ ông Lê C, đồng thời yêu cầu UBND huyện H và Chủ tịch UBND huyện H thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật về việc giải quyết bồi thường hỗ trợ cho hộ ông Lê C đối với diện tích đất 377.889,4 m². Bản án

phức thẩm có hiệu lực pháp luật. UBND huyện H đã ban hành Quyết định số 1709/QĐ-UBND ngày 18/7/2022 bồi thường hỗ trợ cho hộ ông Lê C khi thu hồi 377.889,4 m².

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê C: Hủy quyết định số 314/QĐ- UBND ngày 26/02/2021 của UBND huyện H về việc bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất.

[2.3] Xét yêu cầu của ông Lê C về việc Hủy quyết định số 1334/QĐ- UBND ngày 26/7/2021 của Chủ tịch UBND huyện H về việc giải quyết khiếu nại.

UBND huyện H ban hành Quyết định số 314/QĐ- UBND ngày 26 tháng 02 năm 2021, bồi thường hỗ trợ cho hộ ông Chính với số tiền 0 đồng khi thu hồi 13.843,3 m² để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án mở rộng TM3 trên địa bàn huyện H.

Ngày 30 tháng 3 năm 2021, UBND huyện H ban hành Thông báo số 61/TB-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2021 về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu. Việc khiếu nại của ông Lê C trong thời hiệu khiếu nại quy định tại điều 9 Luật khiếu nại 2011.

Ngày 29 tháng 3 năm 2021, UBND huyện H ban hành Quyết định số 553/QĐ-UBND về việc xác minh nội dung khiếu nại của ông C, lập Kế hoạch xác minh nội dung khiếu nại của ông C, thực hiện kiểm tra hiện trạng vào ngày 27 tháng 4 năm 2021. Thanh tra huyện H lập Biên bản họp thông qua kết quả xác minh nội dung khiếu nại của ông C vào ngày 28 tháng 5 năm 2021. UBND huyện H đã gia hạn giải quyết khiếu nại của ông C theo quyết định số 1257/QĐ- UBND ngày 25/6/2021. Ngày 01/7/2021, UBND huyện H đã tổ chức đối thoại với hộ ông C. Ngày 05/7/2021, Đoàn xác minh lập Báo cáo kết quả xác minh nội dung khiếu nại của ông C. Ngày 06 tháng 7 năm 2021, Chủ tịch UBND huyện H đã ban hành Quyết định số 1334/QĐ- UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê C (lần đầu). Nội dung quyết định này như sau:

+ Giữ nguyên Quyết định số 314/QĐ- UBND ngày 26/02/2021 của UBND huyện H về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Lê C để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án mở rộng TM3 trên địa bàn huyện H.

+ Không chấp thuận việc ông Lê C yêu cầu bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 13.843,3 m² (1,38 ha).

Như vậy, trình tự thủ tục giải quyết khiếu nại đã được Chủ tịch UBND huyện H thực hiện đúng thủ tục trình tự theo quy định tại Luật khiếu nại.

Về nội dung: Như đã phân tích, Hội đồng xét xử xét thấy Ủy ban nhân dân huyện H bồi thường cho hộ ông Lê C với số tiền 0 đồng theo quyết định số 314/QĐ- UBND ngày 26/02/2021 là không có căn cứ, nên hủy Quyết định số 314/QĐ- UBND ngày 26/02/2021. Do Hội đồng xét xử hủy Quyết định số 314/QĐ- UBND ngày 26/02/2021 về việc bồi thường hỗ trợ cho hộ ông C với số tiền 0 đồng khi thu hồi 13.843,3 m² để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án mở rộng TM3 trên địa bàn huyện H, nên Hội đồng xét xử tuyên hủy Quyết định số 1334/QĐ- UBND của Chủ tịch UBND huyện H về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê C (lần đầu).

[2.4] Đối với yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu UBND huyện H thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất cho ông Lê C theo quy định của pháp luật:

Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận chấp nhận yêu cầu khởi kiện, đề nghị UBND huyện H, Chủ tịch UBND huyện H căn cứ quy định của pháp luật thực hiện nhiệm vụ, công vụ để giải quyết bồi thường hỗ trợ khi thu hồi 13.843,3 m² của hộ ông Lê C để giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án mở rộng Nhà máy thủy điện Thượng Sông Ông thuộc địa bàn thị trấn Tân Sơn, huyện H.

Về án phí: UBND huyện H và Chủ tịch UBND huyện H mỗi đương sự chịu 300.000 đồng án phí HCST.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Điều 30, Điều 32, Điều 193, Điều 194, Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính, Luật Đất đai năm 2003, Luật Đất đai năm 2013, Nghị định 47/2014/NĐ- CP của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đất đai, Nghị định số 02/NĐ- CP ngày 15/01/1994 của Chính phủ, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê C.
2. Hủy Quyết định số 314/QĐ- UBND Ngày 26/02/2021 của UBND huyện H về việc bồi thường hỗ trợ cho hộ ông Lê C khi thu hồi 13.843,3 m² đất.
3. Hủy Quyết định số 1334/QĐ- UBND ngày 26/7/2021 của Chủ tịch UBND huyện H về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê C (lần đầu).
4. UBND huyện H, Chủ tịch UBND huyện H thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật về việc giải quyết bồi thường hỗ trợ cho hộ ông Lê C khi thu hồi 13.843,3 m² đất nêu trên.
5. Về án phí hành chính sơ thẩm: UBND huyện H và Chủ tịch UBND huyện H mỗi đương sự chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Án xử công khai, sơ thẩm, có mặt Người khởi kiện đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Người đại diện theo ủy quyền của Người bị kiện. Quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tỉnh NT;
- Cục THADS Tỉnh NT;
- Ủy ban nhân dân tỉnh NT;
- Phòng GDKT TAND tỉnh NT;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Lưu HS, HCTP.

Ninh Thị Kiều Hạnh

Nơi nhận:

(Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc
gửi bản án theo quy định tại
Điều 196 của Luật TTHC).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA

PHIÊN TÒA

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)